

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung/thay thế, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai, UBND cấp huyện

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 338/QĐ-LĐTBXH ngày 17/3/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực lao động, tiền lương thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Quyết định số 58/QĐ-LĐTBXH ngày 26/01/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực quản lý lao động ngoài nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Quyết định số 1549/QĐ-LĐTBXH ngày 16/10/2023 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ

Lao động - Thương binh và Xã hội; Quyết định số 1560/QĐ-LĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29/09/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 34/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 30/3/2020, Quyết định số 1906/QĐ-UBND ngày 08/6/2020, Quyết định số 2182/QĐ-UBND ngày 30/6/2021, Quyết định số 662/QĐ-UBND ngày 17/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Bộ thủ tục hành chính và quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi/bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 12/5/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 164/TTr-SLĐTBXH ngày 03 tháng 11 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, phê duyệt kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính và quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung/thay thế, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, UBND cấp huyện cụ thể như sau:

1. Thủ tục hành chính:

a) Sửa đổi, bổ sung/thay thế: 14 thủ tục hành chính cấp tỉnh đã được ban hành tại Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 30/3/2020, Quyết định số 2182/QĐ-UBND ngày 30/6/2021, Quyết định số 662/QĐ-UBND ngày 17/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Bộ thủ tục hành chính và quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi/bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

b) Bãi bỏ:

- 02 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã được ban hành tại Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày

30/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai.

- 06 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các Khu công nghiệp đã được ban hành tại Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 23/4/2021, Quyết định số 2051/QĐ-UBND ngày 16/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính và quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi/bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai.

- 01 thủ tục hành chính cấp huyện đã được ban hành tại Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai.

2. Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

a) Sửa đổi, bổ sung/thay thế: 14 quy trình giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh đã được ban hành tại Quyết định số 1906/QĐ-UBND ngày 08/6/2020, Quyết định số 2182/QĐ-UBND ngày 30/6/2021, Quyết định số 662/QĐ-UBND ngày 17/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi/bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai;

b) Bãi bỏ:

- 02 quy trình giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã được ban hành tại Quyết định số 1906/QĐ-UBND ngày 08/6/2020, Quyết định số 2182/QĐ-UBND ngày 30/6/2021, Quyết định số 662/QĐ-UBND ngày 17/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi/bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai;

- 06 quy trình giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các Khu công nghiệp đã được ban hành tại Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 12/5/2020, Quyết định số 2051/QĐ-UBND ngày 16/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi/bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai;

- 01 quy trình giải quyết thủ tục hành chính cấp huyện đã được ban hành tại Quyết định số 1906/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai.

(Danh mục thủ tục hành chính, quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính kèm theo).

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 23/4/2021, Quyết định số 2051/QĐ-UBND ngày 16/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai; Trung tâm Phục vụ hành chính công, UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai danh mục thủ tục hành chính đã được công bố thuộc thẩm quyền giải quyết tại trụ sở làm việc, trên Trang thông tin điện tử; tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của cơ quan, đơn vị; triển khai tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính cho người dân theo quy định tại Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh cập nhật nội dung thủ tục hành chính đã được công bố tại Quyết định này lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính của Chính phủ.

Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện cập nhật nội dung các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung/thay thế, gỡ bỏ các thủ tục hành chính đã bị bãi bỏ được công bố theo Quyết định này trên Cổng dịch vụ công của tỉnh; cấu hình quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung/thay thế, gỡ bỏ quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính bị bãi bỏ được công bố theo Quyết định này trên Phần mềm một cửa điện tử (Egov) của tỉnh theo quy định. Thực hiện cấu hình, tích hợp, kết nối dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện lên Cổng dịch vụ công Quốc gia, Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông; Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh; Trưởng Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Đài Phát thanh truyền hình Đồng Nai;
- Báo Đồng Nai;
- Trung tâm kinh doanh VNPT (1022);
- Lưu: VT, KGVX, HCC, Cổng TTĐT tỉnh.



Nguyễn Sơn Hùng



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG/THAY THẾ, BỊ BÀI BỎ
THỰC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI,
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH ĐỒNG NAI**

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG/THAY THẾ THỰC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI, BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP:

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I. LĨNH VỰC VIỆC LÀM								
1	1.000105	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài ¹	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp trực tuyến tại địa chỉ https://dichvu.uncong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvu.uncong.gov.vn	- Cơ quan thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	Không	- Bộ luật lao động 2019; - Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyên dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam; - Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1560/QĐ-LĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Nghị số

¹ Thủ tục này được sửa đổi, bổ sung về trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ, đối tượng thực hiện, cơ quan thực hiện, mẫu đơn, mẫu tờ khai, căn cứ pháp lý.

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
2	2.000219	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị	02 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển từ 500 người lao động, 01 tháng	Nộp trực tuyến tại địa chỉ https://dichvuconng.dongn.gov.la	- Cơ quan thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	Không	<p>tuyên dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.</p> <p>70/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.</p>	<p>Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1560/QĐ-</p>

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài. ²	kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển từ 100 đến dưới 500 người lao động và 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển dưới 100 người lao động Việt Nam	ai.gov.vn hoặc https://dichvu.uncong.gov.vn	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.		CP ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.	LPTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
3	2.000205	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam ³	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Nộp trực tuyến tại địa chỉ https://dichvu.uncong.dongnhi.ai.gov.vn hoặc https://dichvu.uncong.gov.vn	- Cơ quan thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	- 600.000 đồng/GPLĐ. - Trường hợp nộp trực tuyến thì lệ phí giảm 50% còn 300.000 đồng.	- Bộ luật lao động 2019; - Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ; - Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. - Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 30/07/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức lệ phí cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	Nội dung Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1560/QĐ-LPTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

² Thủ tục này được sửa đổi, bổ sung về trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, cơ quan thực hiện, căn cứ pháp lý.

³ Thủ tục này được sửa đổi, bổ sung về trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, cơ quan thực hiện, căn cứ pháp lý.

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
4	2.000192	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam ⁴	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Nộp trực tuyến tại địa chỉ https://dichvu.ncong.dongnhi.gov.vn hoặc https://dichvu.ncong.gov.vn	- Cơ quan thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	- 450.000 đồng/GPLĐ. - Trường hợp nộp trực tuyến thì lệ phí giảm 50% còn 225.000 đồng.	- Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29/09/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Nai - Bộ luật lao động 2019; - Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ; - Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. - Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 30/07/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức lệ phí cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. - Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29/09/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1560/QĐ-LĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

⁴ Thủ tục này được sửa đổi, bổ sung về trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, đối tượng thực hiện, cơ quan thực hiện, yêu cầu, điều kiện, căn cứ pháp lý.

Sit	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
5	1.009811	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam ⁵	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Nộp trực tuyến tại địa chỉ https://dichvu.ncong.dongnhi.gov.vn hoặc https://dichvu.ncong.gov.vn	- Cơ quan thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	- 450.000 đồng/GPLĐ. - Trường hợp nộp trực tuyến thì lệ phí giảm 50% còn 225.000 đồng.	- Bộ luật lao động 2019; - Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ; - Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. - Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 30/07/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức lệ phí cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. - Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29/09/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1560/QĐ-LĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

⁵ Thủ tục này được sửa đổi, bổ sung về trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, đối tượng thực hiện, cơ quan thực hiện, yêu cầu, điều kiện, căn cứ pháp lý.

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
6	1.000459	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động ⁶	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Nộp trực tuyến tại địa chỉ https://dichvu.ucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvu.ucong.gov.vn	- Cơ quan thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	Không	- Bộ luật lao động 2019; - Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ; - Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 338/QĐ-LĐTBXH ngày 17/03/2021 của Bộ Lao động - TBXH về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành,
II LĨNH VỰC LAO ĐỘNG								
7	2.001955	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp ⁷	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Nộp trực tuyến tại địa chỉ https://dichvu.ucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvu.ucong.gov.vn	- Cơ quan thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Quản lý các Khu công nghiệp. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội,	Không	- Bộ luật lao động 2019;	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 338/QĐ-LĐTBXH ngày 17/03/2021 của Bộ Lao động - TBXH về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành,

⁶ Thủ tục này được sửa đổi, bổ sung về trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, đối tượng thực hiện, yêu cầu, điều kiện, căn cứ pháp lý.

⁷ Thủ tục này được sửa đổi, bổ sung về trình tự thực hiện, thành phần hồ sơ, cơ quan thực hiện, căn cứ pháp lý.

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
8	1.000479	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động ⁸	27 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	<i>Nộp trực tuyến tại địa chỉ</i> https://dichvu.uncong.dongnhi.gov.vn hoặc https://dichvu.uncong.gov.vn	- Cơ quan thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	Không	- Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động. - Quyết định 694/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 của UBND tỉnh Đông Nai về việc ủy quyền cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động, quyết định trích tiền ký quỹ hoạt động cho thuê lại lao động đối với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đông Nai.	sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực lao động tiền lương thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
9	1.000464	Gia hạn	22 ngày làm	<i>Nộp trực</i>	- Cơ quan thực	Không	- Nghị định số 145/2020/NĐ-	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 338/QĐ-LPTBXH ngày 17/03/2021 của Bộ Lao động – TBXH.

⁸ Thủ tục này sửa đổi, bổ sung về trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ, cơ quan thực hiện, tên mẫu đơn, mẫu tờ khai và căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động ⁹	việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	<i>truyền tại địa chỉ</i> https://dichvu.ucong.dongn.ai.gov.vn hoặc https://dichvu.ucong.gov.vn	hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - <i>Cơ quan có thẩm quyền quyết định</i> : Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.		CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ. - <i>Quyết định 694/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 của UBND tỉnh Đông Nai về việc ủy quyền cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động, quyết định trích tiền ký quỹ hoạt động cho thuê lại lao động đối với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đông Nai</i>	TTHC thực hiện theo Quyết định số 338/QĐ-LĐTBXH ngày 17/03/2021 của Bộ Lao động - TBXH
10	1.000448	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động ¹⁰	- Đối với trường hợp doanh nghiệp thay đổi một trong các nội dung của giấy phép đã được cấp (gồm: tên doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính nhưng vẫn trên địa bàn cấp tỉnh đã cấp giấy phép, người đại diện theo pháp luật	<i>Nộp trực tuyến tại địa chỉ</i> https://dichvu.ucong.dongn.ai.gov.vn hoặc https://dichvu.ucong.gov.vn	- Cơ quan thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - <i>Cơ quan có thẩm quyền quyết định</i> : Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	Không	- Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ. - <i>Quyết định 694/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 của UBND tỉnh Đông Nai về việc ủy quyền cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động, quyết định trích tiền ký quỹ hoạt động cho thuê lại lao động đối với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đông Nai</i>	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 338/QĐ-LĐTBXH ngày 17/03/2021 của Bộ Lao động - TBXH

⁹ Thủ tục này sửa đổi, bổ sung về trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ, cơ quan thực hiện, tên mẫu đơn, mẫu tờ khai và căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.

¹⁰ Thủ tục này sửa đổi, bổ sung về trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết, cơ quan thực hiện, yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính và căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
11	1.000436	Thu hồi Giấy phép hoạt động	<p>của doanh nghiệp); giấy phép bị mất; giấy phép bị hư hỏng không còn đầy đủ thông tin trên giấy phép: 22 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).</p> <p>- Đối với trường hợp doanh nghiệp thay đổi địa chỉ trụ sở chính sang địa bàn cấp tỉnh khác so với nơi đã được cấp giấy phép: 27 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).</p>	Nộp trực tuyến tại địa chỉ	- Cơ quan thực hiện: Sở Lao động -	Không	- Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.	Nội dung TTHC thực hiện theo

Sst	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		cho thuê lại lao động ¹¹	đủ, hợp lệ của doanh nghiệp).	https://dichvu.ucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvu.ucong.gov.vn	Thương binh và Xã hội - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.		- Quyết định 694/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động, quyết định trích tiền ký quỹ hoạt động cho thuê lại lao động đối với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	Quyết định số 338/QĐ-LĐTBXH ngày 17/03/2021 của Bộ Lao động - TBXH
12	1.000414	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động ¹²	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Nộp trực tuyến tại địa chỉ https://dichvu.ucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvu.ucong.gov.vn	- Cơ quan thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. - Cơ quan phối hợp: Ngân hàng nhận tiền ký quỹ.	Không	- Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ. - Quyết định 694/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động, quyết định trích tiền ký quỹ hoạt động cho thuê lại lao động đối với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 338/QĐ-LĐTBXH ngày 17/03/2021 của Bộ Lao động - TBXH
III LĨNH VỰC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC								

¹¹ Thủ tục này sửa đổi, bổ sung về trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ, cơ quan thực hiện, yêu cầu, tên mẫu đơn, tờ khai và căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.

¹² Thủ tục này sửa đổi, bổ sung về trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ, cơ quan thực hiện, yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính và căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
13	1.005132	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày ¹³	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	<i>Nộp trực tuyến tại địa chỉ</i> https://dichvu.ueong.dongn.ai.gov.vn <i>hoặc</i> https://dichvu.ueong.gov.vn	- Cơ quan thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, <i>Ban Quản lý các khu công nghiệp.</i> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, <i>Ban Quản lý các khu công nghiệp.</i>	Không	- Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 13/11/2020. - Nghị định 112/2021/NĐ-CP ngày 10/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. - Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định chi tiết một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. - Thông tư số 20/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định về Hệ thống cơ sở dữ liệu người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 58/QĐ-LĐTBXH ngày 26/01/2022 của Bộ Lao động - TBXH về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực quản lý lao động ngoài nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
IV LĨNH VỰC AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG								

¹³ Thủ tục này sửa đổi, bổ sung về trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, cơ quan thực hiện thủ tục hành chính.

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
14	2.000134	Khai báo với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động ¹⁴	05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	<p><i>Nộp trực tuyến tại địa chỉ</i> https://dichvu.ncong.dongn.vn ai.gov.vn hoặc https://dichvu.ncong.gov.vn</p>	<p>- Cơ quan thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.</p>	Không	<p>- Căn cứ Luật an toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015; - Căn cứ Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động Kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động. - Căn cứ Nghị định số 04/2023/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Căn cứ Thông tư số 16/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động-</p>	<p>Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1549/QĐ-LĐTBXH ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội</p>

¹⁴ Thủ tục này sửa đổi, bổ sung về trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết, mẫu đơn, mẫu tờ khai, căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							Thương binh và Xã hội quy định chi tiết một số nội dung về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.	

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI, BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP, UBND CẤP HUYỆN

Số TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính
I	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI BỊ BỎ		
1	2.000113	Hỗ trợ kinh phí đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh nghề nghiệp; chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (TNLD, BNN)	- Nghị định số 37/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; - Quyết định 1107/QĐ-LĐTBXH ngày 16/9/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố các thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
2		Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết	
II	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP BỊ BỎ		

1	MATAM	Bảo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyên dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Quyết định số 1560/QĐ-LĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyên dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam
2	MATAM	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ; - Quyết định số 1560/QĐ-LĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
3	MATAM	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ; - Quyết định số 1560/QĐ-LĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
4	MATAM	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ; - Quyết định số 1560/QĐ-LĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
5	MATAM	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ; - Quyết định số 1560/QĐ-LĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
6	MATAM	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> Quyết định số 338/QĐ-LĐTBXH ngày 17/03/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố các thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực lao động, tiền lương thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
III	DANH MỤC TTHC BỊ BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN		
1	1.004954	Gửi thang lương, bảng lương, định mức lao động của doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật Lao động 2019; - Quyết định số 338/QĐ-LĐTBXH ngày 17/03/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.



**QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI,
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP, UBND CẤP HUYỆN**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2808/QĐ-UBND ngày 10/11/2023
của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

Phần I

**DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI
QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

A. Danh mục quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết TTHC được sửa đổi, bổ sung/thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh:

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ	Tình trạng cấu hình trên phần mềm Egov	Số trang tại Phần II
I	LĨNH VỰC VIỆC LÀM					
1	1.000105	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn	Sửa đổi	6
2	2.000205	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Nộp trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn	Sửa đổi	7
3	2.000192	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Nộp trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn	Sửa đổi	8
4	1.009811	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Nộp trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn	Sửa đổi	9

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ	Tình trạng cấu hình trên phần mềm Egov	Số trang tại Phần II
		ngoài làm việc tại Việt Nam		.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn		
5	1.000459	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Nộp trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn	Sửa đổi	10
6	2.000219	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài	02 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển từ 500 người lao động, 01 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển từ 100 đến dưới 500 người lao động và 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển dưới 100 người lao động Việt Nam	Nộp trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn	Sửa đổi	11
II LĨNH VỰC LAO ĐỘNG						
7	2.001955	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Nộp trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn	Sửa đổi	14
8	1.000479	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	27 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Nộp trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn	Sửa đổi	16

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ	Tình trạng cấu hình trên phần mềm Egov	Số trang tại Phần II
9	1.000464	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	22 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	<i>Nộp trực tuyến tại địa chỉ</i> https://dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn	Sửa đổi	17
10	1.000448	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	- Đối với trường hợp doanh nghiệp thay đổi một trong các nội dung của giấy phép đã được cấp: 22 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ). - Đối với trường hợp doanh nghiệp thay đổi địa chỉ trụ sở chính sang địa bàn cấp tỉnh khác so với nơi đã được cấp giấy phép: 27 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).	<i>Nộp trực tuyến tại địa chỉ</i> https://dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn	Sửa đổi	18
11	1.000436	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	<i>Nộp trực tuyến tại địa chỉ</i> https://dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn	Sửa đổi	20
12	1.000414	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	<i>Nộp trực tuyến tại địa chỉ</i> https://dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn	Sửa đổi	21

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ	Tình trạng cấu hình trên phần mềm Egov	Số trang tại Phần II
II LĨNH VỰC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC						
13	1.005132	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	<i>Nộp trực tuyến tại địa chỉ</i> https://dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn	Sửa đổi	22
14	2.000134	Khai báo với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	<i>Nộp trực tuyến tại địa chỉ</i> https://dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn	Sửa đổi	24

B. Danh mục quy trình nội bộ, quy trình điện tử bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, UBND cấp huyện

Số TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính
I	Danh mục quy trình giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội bị bãi bỏ		
1	2.000113	Hỗ trợ kinh phí đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh nghề nghiệp; chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (TNLD, BNN)	- Nghị định số 37/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; - Quyết định 1107/QĐ-LĐTĐ ngày 16/9/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố các thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
2		Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết	

II			
Danh mục quy trình giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các Khu công nghiệp bị bãi bỏ			
1	MATAM	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Quyết định số 1560/QĐ-LĐTĐ ngày 17/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam
2	MATAM	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ; - Quyết định số 1560/QĐ-LĐTĐ ngày 17/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
3	MATAM	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ; - Quyết định số 1560/QĐ-LĐTĐ ngày 17/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
4	MATAM	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ; - Quyết định số 1560/QĐ-LĐTĐ ngày 17/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
5	MATAM	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ; - Quyết định số 1560/QĐ-LĐTĐ ngày 17/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
6	MATAM	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 338/QĐ-LĐTĐ ngày 17/03/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố các thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực lao động, tiền lương thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
III			
Danh mục quy trình giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện bị bãi bỏ			
1	1.004954	Gửi thang lương, bảng lương, định mức lao động của doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật Lao động 2019; - Quyết định số 338/QĐ-LĐTĐ ngày 17/03/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố các thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực lao động, tiền lương thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Phần II
NỘI DUNG QUY TRÌNH

I. Quy trình thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

1. Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài

* **Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.

* **Lưu đồ giải quyết:**

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (10 ngày làm việc)
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-bottom: 5px;">Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân</div>	Bộ phận nhận hồ sơ của Sở Lao động - TBXH	0,5 ngày làm việc
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-bottom: 5px;">Thẩm định, giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i></div>	Phòng Chính sách lao động	8 ngày làm việc
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-bottom: 5px;">Ký duyệt hồ sơ</div>	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px;">Nhận và trả kết quả cho cá nhân/tổ chức</div>	Bộ phận trả chuyển hồ sơ Sở Lao động - TBXH	0,5 ngày làm việc

2. Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam

* Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.

* Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (5 ngày làm việc)
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-bottom: 5px;">Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân</div>	Bộ phận nhận hồ sơ của Sở Lao động - TBXH	0,5 ngày làm việc
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-bottom: 5px;">Thẩm định, giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i></div>	Phòng Chính sách lao động	3 ngày làm việc
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-bottom: 5px;">Ký duyệt hồ sơ</div>	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px;">Nhận và trả kết quả cho cá nhân/tổ chức</div>	Bộ phận trả chuyển hồ sơ Sở Lao động - TBXH	0,5 ngày làm việc

3. Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam

* Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.

* Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (3 ngày làm việc)
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-bottom: 5px;">Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân</div>	Bộ phận nhận hồ sơ của Sở Lao động - TBXH	0,5 ngày làm việc
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-bottom: 5px;">Thẩm định, giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i></div>	Phòng Chính sách lao động	1 ngày làm việc
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-bottom: 5px;">Ký duyệt hồ sơ</div>	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px;">Nhận và trả kết quả cho cá nhân/tổ chức</div>	Bộ phận trả chuyên hồ sơ Sở Lao động - TBXH	0,5 ngày làm việc

4. Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam

* **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.

* **Lưu đồ giải quyết:**

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (5 ngày làm việc)
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-bottom: 5px;">Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân</div>	Bộ phận nhận hồ sơ của Sở Lao động - TBXH	0,5 ngày làm việc
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-bottom: 5px;">Thẩm định, giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i></div>	Phòng Chính sách lao động	3 ngày làm việc
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-bottom: 5px;">Ký duyệt hồ sơ</div>	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px;">Nhận và trả kết quả cho cá nhân/tổ chức</div>	Bộ phận trả chuyên hồ sơ Sở Lao động - TBXH	0,5 ngày làm việc

5. Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động

* Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.

* Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (5 ngày làm việc)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân	Bộ phận nhận hồ sơ của Sở Lao động - TBXH	0,5 ngày làm việc
Thẩm định, giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i>	Phòng Chính sách lao động	3 ngày làm việc
Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc
Nhận và trả kết quả cho cá nhân/tổ chức	Bộ phận trả chuyển hồ sơ Sở Lao động - TBXH	0,5 ngày làm việc

6. Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài

* **Thời hạn giải quyết:** 02 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển từ 500 người lao động Việt Nam trở lên kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định (không kể thời gian gửi hồ sơ theo đường bưu điện).

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (60 ngày làm việc)
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 5px auto;">Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân</div>	Bộ phận nhận hồ sơ của Sở Lao động - TBXH	01 ngày làm việc
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 5px auto;">Thẩm định, giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i></div>	Phòng Chính sách lao động	56 ngày làm việc
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 5px auto;">Ký duyệt hồ sơ</div>	Lãnh đạo Sở	02 ngày làm việc
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 5px auto;">Nhận và trả kết quả cho cá nhân/tổ chức</div>	Bộ phận trả chuyển hồ sơ Sở Lao động - TBXH	01 ngày làm việc

* **Thời hạn giải quyết:** 01 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển từ 100 đến dưới 500 người lao động Việt Nam kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định (không kể thời gian gửi hồ sơ theo đường bưu điện)

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (30 ngày làm việc)
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân</div>	Bộ phận nhận hồ sơ của Sở Lao động - TBXH	01 ngày làm việc
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">Thẩm định, giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i></div>	Phòng Chính sách lao động	26 ngày làm việc
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">Ký duyệt hồ sơ</div>	Lãnh đạo Sở	02 ngày làm việc
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">Nhận và trả kết quả cho cá nhân/tổ chức</div>	Bộ phận trả chuyển hồ sơ Sở Lao động - TBXH	01 ngày làm việc

* **Thời hạn giải quyết:** 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển dưới 100 người lao động Việt Nam kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định (không kể thời gian gửi hồ sơ theo đường bưu điện)

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (15 ngày làm việc)
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 10px auto;">Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân</div>	Bộ phận nhận hồ sơ của Sở Lao động - TBXH	01 ngày làm việc
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 10px auto;">Thẩm định, giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i></div>	Phòng Chính sách lao động	12 ngày làm việc
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 10px auto;">Ký duyệt hồ sơ</div>	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 10px auto;">Nhận và trả kết quả cho cá nhân/tổ chức</div>	Bộ phận trả chuyển hồ sơ Sở Lao động - TBXH	01 ngày làm việc

7. Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp

a) Trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động –

Thương binh và Xã hội:

* Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.

* Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (7 ngày làm việc)
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân</div>	Bộ phận nhận hồ sơ của Sở Lao động - TBXH	0,5 ngày làm việc
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">Thẩm định, giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i></div>	Phòng Chính sách lao động	5 ngày làm việc
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">Ký duyệt hồ sơ</div>	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">Nhận và trả kết quả cho cá nhân/tổ chức</div>	Bộ phận trả chuyển hồ sơ Sở Lao động - TBXH	0,5 ngày làm việc

b) Trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các Khu công nghiệp:

* **Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.

* **Lưu đồ giải quyết:**

Trình tự công việc	Cơ quan thực hiện	Thời gian
Tiếp nhận hồ sơ của doanh nghiệp, đơn vị	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,5 ngày
Nhận hồ sơ từ Trung tâm hành chính công tỉnh	Văn phòng Ban Quản lý	
Giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo)</i>	Phòng Quản lý Lao động	05 ngày
Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Ban Quản lý	01 ngày
Vào sổ và chuyển về TTHC công tỉnh	Văn phòng Ban Quản lý	0,5 ngày

8. Cấp giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động

* **Thời hạn giải quyết:** 27 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.

* **Lưu đồ giải quyết:**

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (27 ngày làm việc)
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 10px auto;">Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân</div>	Bộ phận nhận hồ sơ của Sở Lao động - TBXH	0,5 ngày làm việc
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 10px auto;">Thẩm định, giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i></div>	Phòng Chính sách lao động	24 ngày làm việc
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 10px auto;">Ký duyệt hồ sơ</div>	Lãnh đạo Sở	02 ngày làm việc
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 10px auto;">Nhận và trả kết quả cho cá nhân/tổ chức</div>	Bộ phận trả chuyển hồ sơ Sở Lao động - TBXH	0,5 ngày làm việc

9. Gia hạn giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động

* Thời hạn giải quyết: 22 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.

* Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (22 ngày làm việc)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân	Bộ phận nhận hồ sơ của Sở Lao động - TBXH	0,5 ngày làm việc
Thẩm định, giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i>	Phòng Chính sách lao động	19 ngày làm việc
Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	02 ngày làm việc
Nhận và trả kết quả cho cá nhân/tổ chức	Bộ phận trả chuyển hồ sơ Sở Lao động - TBXH	0,5 ngày làm việc

10. Cấp lại giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động

* **Thời hạn giải quyết:** 22 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.

* **Lưu đồ giải quyết:**

- Đối với trường hợp doanh nghiệp thay đổi một trong các nội dung của giấy phép đã được cấp (gồm: tên doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính nhưng vẫn trên địa bàn cấp tỉnh đã cấp giấy phép, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp); giấy phép bị mất; giấy phép bị hư hỏng không còn đầy đủ thông tin trên giấy phép: 22 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (22 ngày làm việc)
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 10px auto;">Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân</div>	Bộ phận nhận hồ sơ của Sở Lao động - TBXH	0,5 ngày làm việc
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 10px auto;">Thẩm định, giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i></div>	Phòng Chính sách lao động	19 ngày làm việc
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 10px auto;">Ký duyệt hồ sơ</div>	Lãnh đạo Sở	02 ngày làm việc
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 10px auto;">Nhận và trả kết quả cho cá nhân/tổ chức</div>	Bộ phận trả chuyên hồ sơ Sở Lao động - TBXH	0,5 ngày làm việc

- Đối với trường hợp doanh nghiệp thay đổi địa chỉ trụ sở chính sang địa bàn cấp tỉnh khác so với nơi đã được cấp giấy phép: 27 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (27 ngày làm việc)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân	Bộ phận nhận hồ sơ của Sở Lao động - TBXH	0,5 ngày làm việc
Thẩm định, giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i>	Phòng Chính sách lao động	24 ngày làm việc
Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	02 ngày làm việc
Nhận và trả kết quả cho cá nhân/tổ chức	Bộ phận trả chuyển hồ sơ Sở Lao động - TBXH	0,5 ngày làm việc

11. Thu hồi giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động

* Thời hạn giải quyết: 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.

* Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (17 ngày làm việc)
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-bottom: 5px;">Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân</div>	Bộ phận nhận hồ sơ của Sở Lao động - TBXH	0,5 ngày làm việc
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-bottom: 5px;">Thẩm định, giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i></div>	Phòng Chính sách lao động	14 ngày làm việc
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-bottom: 5px;">Ký duyệt hồ sơ</div>	Lãnh đạo Sở	02 ngày làm việc
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px;">Nhận và trả kết quả cho cá nhân/tổ chức</div>	Bộ phận trả chuyển hồ sơ Sở Lao động - TBXH	0,5 ngày làm việc

12. Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động

* **Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.

* **Lưu đồ giải quyết:**

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (10 ngày làm việc)
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân</div>	Bộ phận nhận hồ sơ của Sở Lao động - TBXH	0,5 ngày làm việc
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">Thẩm định, giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i></div>	Phòng Chính sách lao động	7 ngày làm việc
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">Ký duyệt hồ sơ</div>	Lãnh đạo Sở	02 ngày làm việc
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">Nhận và trả kết quả cho cá nhân/tổ chức</div>	Bộ phận trả chuyển hồ sơ Sở Lao động - TBXH	0,5 ngày làm việc

13. Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày

a) Trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội:

* **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.

* **Lưu đồ giải quyết:**

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (05 ngày làm việc)
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-bottom: 5px;">Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân</div>	Bộ phận nhận hồ sơ của Sở Lao động - TBXH	0,5 ngày làm việc
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-bottom: 5px;">Thẩm định, giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i></div>	Phòng Chính sách lao động	3 ngày làm việc
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-bottom: 5px;">Ký duyệt hồ sơ</div>	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px;">Nhận và trả kết quả cho cá nhân/tổ chức</div>	Bộ phận trả chuyển hồ sơ Sở Lao động - TBXH	0,5 ngày làm việc

b) Trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các Khu công nghiệp:

* **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.

* **Lưu đồ giải quyết:**

Trình tự công việc	Cơ quan thực hiện	Thời gian
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-bottom: 5px;">Tiếp nhận hồ sơ của doanh nghiệp, đơn vị</div>	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,5 ngày
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-bottom: 5px;">Nhận hồ sơ từ Trung tâm hành chính công tỉnh</div>	Văn phòng Ban Quản lý	
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-bottom: 5px;">Giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo)</i></div>	Phòng Quản lý Lao động	03 ngày
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-bottom: 5px;">Ký duyệt hồ sơ</div>	Lãnh đạo Ban Quản lý	01 ngày
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-bottom: 5px;">Vào sổ và chuyển về TTHC công tỉnh</div>	Văn phòng Ban quản lý	0,5 ngày

14. Khai báo với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động

* **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.

* **Lưu đồ giải quyết:**

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (5 ngày làm việc)
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 10px auto;">Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân</div>	Bộ phận nhận hồ sơ của Sở Lao động - TBXH	0,5 ngày làm việc
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 10px auto;">Thẩm định, giải quyết hồ sơ <i>(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)</i></div>	Phòng Chính sách lao động	3 ngày làm việc
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 10px auto;">Ký duyệt hồ sơ</div>	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 10px auto;">Nhận và trả kết quả cho cá nhân/tổ chức</div>	Bộ phận trả chuyển hồ sơ Sở Lao động - TBXH	0,5 ngày làm việc